

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ VẬN TẢI GOLDEN STAR**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ VẬN TẢI GOLDEN STAR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GOLDEN STAR IMPORT EXPORT AND TRANSPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110241262

**3. Ngày thành lập:** 03/02/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 15, ngõ 33 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983266880

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                      | 4330     |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                          | 4610     |
| 3.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)                                      | 4620     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                  | 4649     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                     | 4659     |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                   | 4669     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299     |
| 8.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ hình thức nhà nước cấm)                                                                   | 8559     |
| 9.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                             | 8560     |
| 10. | Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn tài chính, tư vấn pháp luật)                                                         | 7020     |
| 11. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                    | 2591     |
| 12. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                        | 2592     |
| 13. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                         | 2593     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu<br>(Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2599 |
| 15. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2610 |
| 16. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2620 |
| 17. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2630 |
| 18. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2640 |
| 19. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2651 |
| 20. | Sản xuất đồng hồ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2652 |
| 21. | Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2660 |
| 22. | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2670 |
| 23. | Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2680 |
| 24. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2817 |
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4931 |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4932 |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4933 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng;<br>- Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển;<br>- Môi giới thuê tàu biển và máy bay;<br>- Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. | 5229 |
| 29. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5590 |
| 30. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5621 |
| 31. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7721 |

|     |                                                                                  |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 32. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp<br>(trừ dịch vụ nhà nước cấm)                            | 8110        |
| 33. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                            | 8211        |
| 34. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                    | 3100        |
| 35. | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                       | 3240(Chính) |
| 36. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                             | 3290        |
| 37. | Xây dựng nhà để ở                                                                | 4101        |
| 38. | Xây dựng nhà không để ở                                                          | 4102        |
| 39. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh         | 4761        |
| 40. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                         | 4764        |
| 41. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh | 4771        |
| 42. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                         | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGÔ ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/05/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038077009798

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tập thể Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 1, phố Lương Ngọc Quyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tập thể Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 1, phố Lương Ngọc Quyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGÔ ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/05/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038077009798

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tập thể Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 1, phố Lương Ngọc Quyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tập thể Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 1, phố Lương Ngọc Quyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

